

Bản án số: 269/2019/DS-ST

Ngày: 08/10/2019

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay
tài sản giữa Công ty V và bà T

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Phạm Thị Kim Hoàng;

2/ Bà Vũ Thị Hiệp

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Nguyễn Hạnh Ngân – Thư ký Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08/10/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 151/2019/TLST-DS ngày 02/5/2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 350/2019/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2019/QĐST-HPT ngày 17 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Công ty tài chính TNHH Một thành viên V (Công ty V)

Trụ sở: Tầng 2, Tòa nhà R, số 9 đường Đ, phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thị Kim A, sinh năm 1994 theo Văn bản ủy quyền số 01/UQTA-VH.19 ngày 18/01/2019 (có mặt)

Địa chỉ liên lạc: Tầng 8, Tòa nhà C, số 20 đường C, phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. ***Bị đơn:*** Bà Văn Thị Ngọc T, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: 265/51 đường P, phường N, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, phía nguyên đơn Công ty tài chính TNHH Một thành viên V (gọi tắt là Công ty V) do bà Ngô Thị Kim A đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 19/10/2015, bà Văn Thị Ngọc T có ký Đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số No 170521 (còn gọi là hợp đồng tín dụng số 20151019-500000-1325) với Công ty tài chính TNHH MTV V vay số tiền 36,767,896 đồng (ba mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi bảy ngàn tám trăm chín mươi sáu đồng chẵn) với lãi suất thỏa thuận 5.00%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà Văn Thị Ngọc T có trách nhiệm thanh toán tiền vốn gốc và lãi suất với tổng số tiền 58,978,000 đồng (năm mươi tám triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn đồng), trả chậm liên tiếp trong vòng 19 tháng; 18 tháng đầu mỗi tháng trả 3,043,000 đồng, tháng cuối cùng 4,204,000 đồng, thanh toán vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/12/2015.

Thực hiện hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty tài chính TNHH MTV V 42,602,000 đồng (bốn mươi hai triệu sáu trăm lẻ hai nghìn đồng), trong đó: 22,684,184 đồng vốn gốc và 19,917,816 đồng lãi suất. Kể từ ngày 01/3/2017, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty V khởi kiện yêu cầu bà Văn Thị Ngọc T phải thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền còn nợ là 16,376,000 đồng (mười sáu triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 14,083,712 đồng, nợ lãi là 2,292,288 đồng.

Nguyên đơn Công ty tài chính TNHH Một thành viên V chỉ cho cá nhân bà Văn Thị Ngọc T vay tiền, không liên quan đến người khác, do đó nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân bà T có trách nhiệm trả cho ngân hàng số tiền còn nợ nêu trên.

Phía bị đơn là bà Văn Thị Ngọc T đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc nguyên đơn khởi kiện và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T cố tình vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty V là bà Ngô Thị Kim A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bà Văn Thị Ngọc T phải thanh toán ngay một lần khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền còn thiếu tính đến ngày 08/10/2019 là 16,376,000 đồng (mười sáu triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 14,083,712 đồng, nợ lãi là 2,292,288 đồng. Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Văn Thị Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa bị đơn bà Văn Thị Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà T là đúng theo quy định pháp luật. Qua kiểm sát hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, căn cứ vào các Điều 463, 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng Việt Nam năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty V, buộc bà Văn Thị Ngọc T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty tài chính TNHH Một thành viên V số tiền 16,376,000 đồng (mười sáu triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 14,083,712 đồng, nợ lãi là 2,292,288 đồng. Bị đơn bà Văn Thị Ngọc T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 về việc chấp hành pháp luật tố tụng và nội dung của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]-Thẩm quyền loại việc: Công ty tài chính TNHH Một thành viên V (Công ty V) khởi kiện bà Văn Thị Ngọc T yêu cầu thanh toán tiền vay theo Đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số No 170521 (còn gọi là hợp đồng tín dụng số 20151019-500000-1325) ngày 19/10/2015. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc tranh chấp dân sự: “Hợp đồng dân sự vay tài sản”.

[2]-Thẩm quyền theo lãnh thổ: Công ty V có đơn khởi kiện bị đơn bà Văn Thị Ngọc T có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 265/51 đường P, phường N, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]-Thời hiệu khởi kiện vụ án: Căn cứ vào thời điểm bà Văn Thị Ngọc T ngừng thanh toán các khoản theo thỏa thuận cho Công ty V bắt đầu vào ngày 01/3/2017. Đến ngày 18/01/2019, Công ty V có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân Quận 6. Thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng dân sự được xác định là 03 năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm theo quy định tại Điều 429, 688

Bộ luật dân sự năm 2015 nên việc khởi kiện vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] Bị đơn bà Văn Thị Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà T vắng mặt không có lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, bà T đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Ngoài ra, bà Văn Thị Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa nên căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Theo bà Ngô Thị Kim A là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty V trình bày: Ngày 19/10/2015, bà Văn Thị Ngọc T có ký Đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số No 170521 (còn gọi là hợp đồng tín dụng số 20151019-500000-1325) với Công ty V để vay số tiền 36,767,896 đồng (ba mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi bảy ngàn tám trăm chín mươi sáu đồng chẵn) với lãi suất thỏa thuận 5.00%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà T có trách nhiệm thanh toán tiền vốn gốc và lãi suất với tổng số tiền 58,978,000 đồng (năm mươi tám triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn đồng), trả chậm liên tiếp trong vòng 19 tháng; 18 tháng đầu mỗi tháng trả 3,043,000 đồng, tháng cuối cùng 4,204,000 đồng, thanh toán vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/3/2015. Bà T đã thanh toán cho Công ty V số tiền 42,602,000 đồng (bốn mươi hai triệu sáu trăm lẻ hai nghìn đồng), gồm: 22,684,184 đồng vốn gốc và 19,917,816 đồng lãi suất. Kể từ ngày 01/3/2017, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy việc giao dịch giữa các bên là có thật và hợp pháp. Công ty tài chính TNHH Một thành viên V yêu cầu bị đơn bà Văn Thị Ngọc T phải thanh toán ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền còn nợ tính đến ngày 08/10/2019 với tổng số tiền 16,376,000 đồng (mười sáu triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 14,083,712 đồng, nợ lãi là 2,292,288 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Theo nội dung Án lệ số 08/2016 ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì “Đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này...”

[4] Trong vụ án này, nguyên đơn Công ty V không yêu cầu bị đơn bà Văn Thị Ngọc T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

[1] Bà Văn Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[2] Công ty tài chính TNHH Một thành viên V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 149, các Điều 429, 463, 465, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số 08/2016 ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty tài chính TNHH Một thành viên V (Công ty V).

1. Bà Văn Thị Ngọc T phải thanh toán cho Công ty tài chính TNHH Một thành viên V số tiền 16,376,000 đồng (mười sáu triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 14,083,712 đồng, nợ lãi là 2,292,288 đồng.

Thời hạn thanh toán: Trả ngay một lần khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty tài chính TNHH Một thành viên V có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Văn Thị Ngọc T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng bà T còn phải trả tiền lãi cho Công ty tài chính TNHH Một thành viên V theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ Luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Văn Thị Ngọc T phải chịu 818.800 đồng (tám trăm mười tám nghìn tám trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Công ty tài chính TNHH Một thành viên V được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 409.400 đồng (bốn trăm lẻ chín nghìn bốn trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011104 ngày 26/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Công ty tài chính TNHH Một thành viên V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Văn Thị Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận 6;
- CCTHADS Quận 6;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Trúc